

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN – KẾ M TOÁN



THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN
CHO VAY KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH NAM THÁI A THIÊN HUẾ

Họ và tên sinh viên

Trình độ Thạc Sĩ

Huế, tháng 05 năm 2019

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KINH TOÁN – KINH M TOÁN



THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KINH TOÁN
CHO VAY KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH NAM THANG A THIÊN HUẾ

Họ, tên sinh viên:

Giảng viên hướng dẫn

Trình độ đào tạo

ThS. Phan Thanh Hải Hà

Lớp: K49A Kinh toán

LỜI CẢM ƠN

Với lòng kính trọng và sự tri ân sâu sắc, trước tiên em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý Thầy Cô Trường Đại học Kinh tế – Đại học Huế, đặc biệt là quý Thầy Cô trong Khoa Kế Toán - Kiểm Toán đã trang bị cho em nhiều kiến thức bổ ích trong suốt thời gian qua. Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn ThS. Phan Thị Hồng Hà – người Cô kính mến đã hết lòng giúp đỡ, hướng dẫn nhiệt tình từ lúc định hướng chọn đề tài cũng như quá trình hoàn thiện nghiên cứu, Cô luôn đồng viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi để em có thể hoàn thành khóa luận này. Em xin cảm ơn Anh Trần Anh Phú – Cán bộ Thủ tục định tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế đã luôn quan tâm giúp đỡ, trao đổi tài liệu, cung cấp rất nhiều số liệu để giúp em có thể hoàn thành khóa luận này. Em xin cảm ơn Ban lãnh đạo Ngân hàng đã nhiệt tình giúp đỡ, hướng dẫn và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em tìm hiểu thông tin, số liệu về Ngân hàng tại Chi nhánh Nam TT Huế trong suốt quá trình thực tập tại đơn vị. Cuối cùng, em xin cảm ơn Phòng giao dịch Bà Triệu, Phòng Quan hệ khách hàng doanh nghiệp về những kiến thức và kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu, thu thập thông tin và xử lý số liệu trong quá trình hoàn thành bài luận này. Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn!

Huế, tháng 05 năm 2019

Sinh viên thực hiện

Trường Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	9
1.1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu	9
1.2. Mục tiêu nghiên cứu	2
1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
1.3.1. Đối tượng nghiên cứu	2
1.3.2. Phạm vi nghiên cứu	2
1.4. Phương pháp nghiên cứu	3
1.4.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu	3
1.4.2. Phương pháp thu thập số liệu	3
1.4.3. Phương pháp xử lý số liệu:	3
1.4.4. Phương pháp hạch toán kế toán	3
1.5. Kết cấu của khóa luận	4
1.6. Tính mới của đề tài	5
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHO VAY ĐÓI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	6
1.1. Cơ sở lý luận về hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng thương mại	6
1.1.1. Khái niệm	6
1.1.2. Vai trò của hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp	6
1.1.3. Các hình thức cho vay khách hàng doanh nghiệp	8
1.1.4. Phương pháp thu nợ gốc và lãi vay	11
1.1.5. Nguyên tắc cho vay khách hàng doanh nghiệp	12
1.1.6. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán cho vay	13
1.1.6.1. Định nghĩa về kế toán cho vay	13
1.1.6.2. Vai trò của kế toán cho vay	13
1.2. Công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại các Ngân hàng Thương mại	14
1.2.1. Quy trình cho vay tại Ngân hàng thương mại đối với khách hàng doanh nghiệp ..	14
1.2.2. Tài khoản số dùng	18

1.2.3. Chức năng tài sản đảm bảo	21
1.2.4. Phương pháp hạch toán	22
1.2.4.1. Công tác kế toán cho vay đối với tín dụng ngắn hạn:	22
1.2.4.2. Công tác kế toán cho vay đối với tín dụng dài hạn:	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CN NAM THÁI THIÊN HƯNG.	30
2.1. Tổng quan về Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thái Thiên Hưng.	30
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.	30
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Thiên Hưng.....	31
2.1.3. Tổng chức năng máy hoạt động của NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Thiên Hưng	32
2.1.3.1. Mô hình tổ chức Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	32
2.1.3.2. Cơ cấu tổ chức của NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Thiên Hưng	32
2.1.3.3. Nhiệm vụ và chức năng các phòng ban	33
2.1.4. Các nguồn lực của VietinBank Nam TT Hưng (2016 – 2018)	37
2.1.4.1. Tình hình tài sản, nguồn vốn của chi nhánh.....	37
2.1.4.2. Tình hình kết quả kinh doanh của chi nhánh.....	41
2.1.4.3. Tình hình nguồn lao động của chi nhánh	45
2.1.5. Tổng chức năng công tác kế toán tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thái Thiên Hưng.	49
2.1.5.1. Tổng chức năng máy kế toán	49
2.1.5.2. Kỳ kế toán, đơn vị tính tài sản đảm bảo trong kế toán.....	50
2.1.5.3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng.....	51
2.1.5.4. Tổng chức năng tổ chức nghiệp vụ kế toán	52
2.1.5.5. Tổng chức năng tổ chức tài khoản	53
2.1.5.6. Hình thức sổ và hệ thống sổ sách kế toán.....	53
2.1.5.7. Tổng chức năng tổ chức báo cáo kế toán	55
2.1.5.8. Các chính sách kế toán được áp dụng trong quy trình cho vay.....	56

2.2. Thúc đẩy công tác kế toán nghiệp vụ cho vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thành Thiên Huế.	58
2.2.1. Nhiệm vụ quy định chung về kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thành Thiên Huế.	58
2.2.2. Tình hình cho vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thành Thiên Huế.	61
2.2.2.1. Tình hình cho vay ngắn hạn.	61
2.2.2.2. Tình hình cho vay trung dài hạn.	65
2.2.3. Quy trình kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nam Thành Thiên Huế.	68
2.2.3.1. Quy trình cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại VietinBank – Nam Thành Thiên Huế.	68
2.2.3.2. Chức năng và nhiệm vụ trong kế toán cho vay đối với KHDN tại VietinBank – Nam Thành Thiên Huế.	73
2.2.3.3. Trình tự hạch toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại chi nhánh... ..	73
CHƯƠNG 3: MÔ TẢ GIỚI THIỆU PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CN NAM THÀNH THIÊN HUẾ.	89
3.1. Nhận xét về công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại chi nhánh.	89
3.2. Mô tả sơ bộ pháp hoàn thiện công tác hạch toán kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại chi nhánh.	91
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.	93

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BCĐKT	Bảng cân đối kế toán
BCTC	Báo cáo tài chính
CIF	Mã khách hàng trên hệ thống
CMKT	Chuẩn mực kế toán
CN	Chi nhánh
GDV	Giao dịch viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
HMTD	Hạn mức tín dụng
KH	Khách hàng
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
L/C	Thẻ tín dụng
NH	Ngân hàng
NHCT	Ngân hàng Công Thương
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
PGD	Phòng giao dịch
QHKH	Quan hệ khách hàng
QHKHDN	Quan hệ khách hàng doanh nghiệp
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
TCTD	Tổ chức tín dụng
TĐTD	Thị trường tín dụng
TK	Tài khoản
TMCP	Thị trường mua bán
TSDB	Tài sản đảm bảo
VAMC	Công ty Quản lý nợ các TCTD
VIETINBANK	Ngân hàng Công Thương

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Vai trò “cầu nối” giữa người đi đầu thị trường và người đi theo.....	7
Sơ đồ 1.2: Quy trình cho vay tại Ngân hàng thương mại đối với khách hàng doanh nghiệp	14
Sơ đồ 1.3: Kế toán cho vay đối với ngân sách	22
Sơ đồ 1.4: Kế toán cho vay đối với tín lãi cho vay.....	25
Sơ đồ 2.1: Mô hình hệ thống tổ chức của VietinBank - Nam TT Huế	32
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại VietinBank - Nam TT Huế	47
Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán trên phần mềm Core Sunshine tại VietinBank – Nam TT Huế	53
Sơ đồ 2.4: Quy trình cho vay KH doanh nghiệp tại VietinBank – Nam TT Huế	67

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình tài sản và nguồn vốn của VietinBank – CN Nam TT Huế từ năm 2016 đến năm 2018	37
Bảng 2.2: Tình hình kết quả kinh doanh của VietinBank – CN Nam TT Huế từ năm 2016 đến năm 2018	41
Bảng 2.3: Tình hình số đông lao động của VietinBank – CN Nam TT Huế từ năm 2016 đến năm 2018	45
Bảng 2.4: Tỷ lệ trích lập dự phòng theo từng nhóm nợ	55
Bảng 2.5: Tình hình cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp của VietinBank – CN Nam TT Huế từ năm 2016 đến năm 2018	62
Bảng 2.6: Tình hình cho vay trung dài hạn đối với khách hàng doanh nghiệp của VietinBank – CN Nam TT Huế từ năm 2016 đến năm 2018	65

DANH MỤC BÍ U Đ

Bí u đ 2.1. Bí u đ th hi n bi n đ ng t ng tài s n.....	38
Bí u đ 2.2. Bí u đ th hi n bi n đ ng t ng ngu n v n.....	39
Bí u đ 2.3: Cho vay ng n h n khách hàng doanh nghi p giai đ n 2016 – 2018	63
Bí u đ 2.4: Cho vay trung và dài h n khách hàng doanh nghi p giai đ n 2016 – 2018	66

DANH MỤC BÍ U M U

Bí u 2.1: y nhi m chi theo ví đ 1.....	74
Bí u 2.2: Phi u nh p kho TSĐB cho ví đ 1	75
Bí u 2.3: Gi y lĩnh ti n theo ví đ 1	76
Bí u 2.4: S chi ti t tài kho n 462.2111.0x.00x cho ví đ 1	77
Bí u 2.5: Phi u h ch toán thu lãi theo ví đ 2.....	79
Bí u 2.6: Gi y n p ti n theo ví đ 4.....	81
Bí u 2.7: Phi u h ch toán thu lãi theo ví đ 4.....	82
Bí u 2.8: V n tin tr h t kho n vay theo ví đ 4.....	82
Bí u 2.9. S chi ti t tài kho n 462.2111.0x.00x cho ví đ 4.....	83
Bí u 2.10: Phi u xu t kho TSĐB theo ví đ 5	85

TÓM TẮT NGHIÊN CỨU

Đề tài nghiên cứu **“Thúc đẩy công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thành Thiên Huế”** tập trung vào việc tìm hiểu công tác hạch toán kế toán, luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban trong quy trình cho vay nhóm khách hàng doanh nghiệp tại Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thành Thiên Huế.

Dựa trên các kiến thức đã được học và lĩnh vực kế toán ngân hàng cùng với các tài liệu tham khảo và quá trình nghiên cứu thực tế tại PGD Bà Trù Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thành Thiên Huế, tác giả đã cụ thể hóa các bước hạch toán thực tế trong quy trình cho vay của các Ngân hàng thương mại hiện nay.

Phương pháp nghiên cứu được tiến hành cụ thể là các quan sát thực tiễn của tác giả trong quá trình thực tập tại đơn vị cùng với phương pháp thu thập nghiên cứu các tài liệu nội bộ và các quy định cụ thể để tìm hiểu và đề tài nghiên cứu chính thực.

Về mặt lý thuyết, nghiên cứu giúp hệ thống lại các khái niệm, vai trò, nhiệm vụ quan trọng của quy trình cho vay và công tác kế toán trong quy trình cho vay trong hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng Thương mại cổ phần hiện nay. Nghiên cứu đã chỉ ra các bước trong quy trình cho vay, đúng thời cách thức luân chuyển chứng từ và hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến quy trình cho vay.

Về mặt thực tiễn, đề tài đã giới thiệu tổng quan về Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nam TT Huế. Đồng thời khái quát bộ máy kế toán, công tác kế toán và hệ thống lại các thủ tục, quy định thực tế liên quan đến công tác kế toán tại Ngân hàng Công Thương. Đề tài còn so sánh tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình kinh doanh cũng như chi tiêu lao động và tình hình cho vay khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng trong 3 năm (2016 - 2018). Điều này sẽ tạo cơ sở cho việc mở rộng phát triển đề tài sau này.

Tuy nhiên đề tài còn tồn tại một số hạn chế bởi thời gian nghiên cứu và tính chất báo cáo thực tập trong quy trình kế toán tại các Ngân hàng Thương mại. Một số nội dung và quy định mang tính chất nội bộ do đó bên thân tác giả không thể tiếp cận và nghiên cứu đề tài một cách hoàn chỉnh cùng với việc kiến thức còn nhiều hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình nghiên cứu.

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu

Trong nền kinh tế thị trường, hệ thống Ngân hàng thị trường mới là không thể thiếu và luôn đóng vai trò hết sức quan trọng. Các ngân hàng thúc đẩy cho nền kinh tế vận hành một cách dễ dàng hơn, nhanh chóng và hiệu quả. Thông qua việc thực hiện các chức năng của bản thân mình, ngân hàng đã trở thành cầu nối giữa nhà sản xuất và đơn vị tiêu thụ hàng hóa, là trung tâm thu hút vốn nhàn rỗi trong xã hội và phân phối đến các đối tượng có nhu cầu sử dụng nó để đầu tư, sản xuất và phát triển.

Trong bối cảnh hiện nay, khi phần lớn các Ngân hàng thị trường mới đều chuyển sang hình thức công phần hóa thì việc xây dựng một bộ máy kế toán hoàn chỉnh nhằm cung cấp đầy đủ số liệu, phản ánh một cách trung thực toàn bộ diễn biến hoạt động của Ngân hàng và các tổ chức liên quan là vấn đề rất yêu. Hơn thế nữa một bộ máy kế toán minh bạch trong tất cả các nghiệp vụ ngân hàng sẽ đáp ứng kịp thời trong việc cung cấp thông tin để ban lãnh đạo Ngân hàng có thể đưa ra các chính sách phù hợp để điều hành hoạt động của toàn Ngân hàng góp phần tạo nên một tổ chức tài chính đáng tin cậy đóng vai trò điều chuyển vốn trong nền kinh tế.

Trong quá trình thực hiện các chức năng đối với nền kinh tế, hoạt động tín dụng đóng vai trò chủ đạo bởi nó cung cấp cho đối tượng khách hàng nói chung và nhóm khách hàng doanh nghiệp nói riêng một nguồn vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh và nhu cầu giải pháp đầu tư hiệu quả, nhanh chóng. Nhờ vào đó, đối tượng khách hàng doanh nghiệp luôn được các ngân hàng chú trọng trong việc đưa ra các sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp, tiện lợi để từ đó nâng cao uy tín và lòng tin từ khách hàng. Như vậy, việc hiểu rõ đối tượng khách hàng doanh nghiệp của mình kết hợp với việc quản lý tốt công tác kế toán sẽ giúp ngân hàng thực hiện tốt chức năng luân chuyển vốn cho nền kinh tế.

Nhìn thấy tầm quan trọng của hoạt động tín dụng doanh nghiệp và bộ máy kế toán đối với ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung, em đã quyết định lựa chọn đề tài: **“Thực trạng công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp**

tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thành Thiên Huế”
để làm khóa luận tốt nghiệp.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Thứ nhất, nghiên cứu nhằm hệ thống hóa những vấn đề lý luận về công tác kế toán cho vay và quy trình cho vay đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp tại các Ngân hàng thương mại hiện nay.

Thứ hai, tìm hiểu công tác kế toán trong quy trình cho vay dành cho nhóm đối tượng khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thành Thiên Huế.

Thứ ba, đề tài đề xuất các giải pháp để góp phần hoàn thiện công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thành Thiên Huế.

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Công tác kế toán trong quy trình cho vay dành cho nhóm đối tượng khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thành Thiên Huế.

1.3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về không gian: Đề tài được thực hiện tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thành Thiên Huế.

Phạm vi về thời gian: Tìm hiểu tài liệu hồ sơ vay vốn của khách hàng và tài liệu hồ sơ đăng ký trong quy trình hạch toán nhằm thu thập thông tin cần nghiên cứu về công tác kế toán khi cho vay đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thành Thiên Huế trong giai đoạn từ 2016 – 2018.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

1.4.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Khóa luận sẽ dùng nguồn tài liệu từ giáo trình, bài giảng và báo cáo trong và ngoài nước. Ngoài ra, nghiên cứu còn tham khảo các nguồn tài liệu được đăng tải trên các trang mạng có liên quan đến nội dung vấn đề nghiên cứu: Các số lý luận và công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại.

1.4.2. Phương pháp thu thập số liệu

Phương pháp thu thập số liệu thực tế: Cần thiết cho đề tài: Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nam TT Huế, phòng Kế toán, phòng Quan hệ khách hàng doanh nghiệp, phòng Tài chính, phòng Tổng hợp, PGD Bà Triêu – VietinBank Nam TT Huế,...

Phương pháp phỏng vấn, quan sát: Trao đổi trực tiếp với các cán bộ phòng quan hệ khách hàng và phòng kế toán nhằm thu thập số liệu, tìm hiểu các thông tin liên quan đến đề tài, đặc biệt là quy trình và thực trạng công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại VietinBank – Nam TT Huế.

1.4.3. Phương pháp xử lý số liệu:

Phương pháp xử lý số liệu: Phương pháp này dùng để đánh giá số biến động của các chỉ tiêu phân tích khi có sự thay đổi nhất về thời gian, không gian theo một số tiêu thức nhất định.

Phương pháp so sánh, đối chiếu: Phương pháp này dùng để so sánh theo thời gian để thấy được mức độ biến động và phát triển trong công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp theo các tiêu chí khác nhau và những thay đổi khác nhau trong giai đoạn từ năm 2017 - 2018.

1.4.4. Phương pháp hạch toán kế toán

Phương pháp chứng từ kế toán: Chứng từ kế toán là phương pháp thông tin và kiểm tra sự hình thành các nghiệp vụ cho vay. Để phản ánh và có thể kiểm chứng được các nghiệp vụ cho vay tại ngân hàng, mọi nghiệp vụ phát sinh đều phải lập các chứng

tư là gây ra hoặc vượt qua để thông tin làm bằng chứng xác nhận sự phát sinh và hoàn thành của các nghiệp vụ.

Phương pháp đối ứng tài khoản: Đối ứng tài khoản là phương pháp thông tin và kiểm tra quá trình vận động của mỗi loại tài sản, nguồn vốn và quá trình giải ngân, thu nhập khách hàng theo mối quan hệ biến chứng để có phản ánh vào trong mỗi nghiệp vụ phát sinh.

Phương pháp đối ứng tài khoản được hình thành bởi cặp phương pháp tài khoản và ghi sổ kép. Trong đó:

- **Phương pháp tài khoản:** Là phương pháp phân loại và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng nội dung kinh tế, nhằm theo dõi tình hình biến động của từng loại tài sản, nguồn vốn, từng nội dung thu, chi... trong quá trình kinh doanh tài chính.
- **Phương pháp ghi sổ kép:** Là phương pháp phản ánh số biến động của các đối tượng kế toán, theo từng nghiệp vụ phát sinh, trong mối liên hệ khách quan giữa chúng, bằng cách ghi sổ tín kép vào các tài khoản kế toán liên quan.

1.5. Kết cấu của khóa luận

Nội dung của đề tài nghiên cứu gồm 3 phần:

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Trong đó gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thành Thiên Huế.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thành Thiên Huế.

Phần III: Kết luận và kiến nghị

1.6. Tính mới của đề tài

Dựa trên việc tìm hiểu một số nghiên cứu trước đó về công tác kế toán tại Ngân hàng thương mại nội địa: Luận văn thạc sĩ của tác giả Sái Thị Thu Hà (2014) về đề tài “Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán tại Ngân hàng Công Thương Phúc Yên” và Khóa luận tốt nghiệp của tác giả Đỗ Thị Huyền Trang (2015) về đề tài “Thức trờng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán cho vay ngắn hạn đối với khách hàng cá nhân bình đẳng Việt Nam đang tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Huế”. Tác giả đã có cái nhìn tổng quan hơn về thức trờng công tác kế toán tại các NHTM hiện nay. Với mong muốn mở rộng và phát triển đề tài, nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực cho vay nhóm khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam TT Huế. Tác giả đã quyết định chọn đề tài **“Thức trờng công tác kế toán cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế”** để đi sâu tìm hiểu các yếu tố: hồ sơ chứng từ, hồ sơ tài khoản kế toán trong quy trình cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp, phân tích thức trờng thức thức hạch toán, chỉ ra điểm yếu điểm mạnh, hạn chế. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn đi sâu tìm hiểu về quy trình cho vay đối với nhóm đối tượng khách hàng doanh nghiệp, cách hoàn chỉnh bộ hồ sơ vay vốn theo hạn mức tín dụng. Từ đó làm cơ sở để đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm hoàn thiện công tác thức thức cũng như đưa ra các ý kiến đề xuất mang tính gợi ý cho các Ngân hàng khác trong ngành nói chung và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam TT Huế nói riêng.

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHO VAY ĐÓI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.

1.1. Cơ sở lý luận về hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng thương mại

1.1.1. Khái niệm

Hoạt động cho vay dành cho nhóm khách hàng doanh nghiệp hay còn gọi là nghiệp vụ tín dụng doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại là sự chuyển nhượng tạm thời quyền sử dụng một lượng giá trị tiền tệ của người sở hữu sang cho người khác sử dụng và sẽ hoàn trả người sở hữu nó sau một thời gian nhất định với một lượng giá trị lớn hơn. (Trần Huy Hoàng, 2010)

Hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại đối với doanh nghiệp là một hình thức cấp tín dụng theo Điều 20, Luật các Tổ chức tín dụng Việt Nam, trong đó ngân hàng đứng ra làm trung gian tài chính để cho các khách hàng doanh nghiệp vay đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, mua sắm tài sản cố định, thuê tài chính, thanh toán các hóa đơn đầu vào hoặc chi trả lương cho công nhân,... với nguyên tắc hoàn trả vốn gốc lẫn lãi vay trong một thời hạn nhất định và theo các điều khoản quy định trong hợp đồng tín dụng giữa khách hàng với ngân hàng.

Lãi vay trong trường hợp này chính là khoản chi phí mà doanh nghiệp phải gánh chịu để sử dụng nguồn vốn vay do ngân hàng cung cấp. Lãi suất hay còn gọi là giá của khoản vay được Ngân hàng ấn định tùy thuộc vào thời hạn sử dụng của nguồn vốn vay, thời gian hoàn trả khoản vay và phôi thu theo số biến động trong từng thời kỳ của nền kinh tế. (Trần Huy Hoàng, 2010)

1.1.2. Vai trò của hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp

Theo PGS. TS. Nguyễn Đăng Dân (2008), hoạt động tín dụng nói chung và cho vay khách hàng doanh nghiệp nói riêng giữ vai trò quan trọng trong xu thế phát triển

kinh tế thị trường toàn cầu hiện nay bởi những tác động tích cực lên các đối tượng tham gia bao gồm người gửi tiền (người đi deposits), ngân hàng thương mại và người đi vay (doanh nghiệp cần vốn) trong quy trình luân chuyển tiền của ngân hàng đến nơi tiêu thụ hàng và có nhu cầu sử dụng vốn thông qua thị trường trung gian là ngân hàng thương mại.



Sơ đồ 1.1: Vai trò “cầu nối” giữa người đi deposits và người cần vốn.

Có thể thấy, đối với các doanh nghiệp đang cần vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển sản xuất mới, chi tiêu mua sắm các loại tài sản phục vụ sản xuất hay thanh toán các hóa đơn nguyên vật liệu đầu vào với giá trị lớn, ... có nhiều cách thức huy động vốn tiếp cận đến các nguồn cung ứng vốn đáng tin cậy, chắc chắn và uy tín mà không phải mất nhiều thời gian trong quá trình huy động vốn của doanh nghiệp. Đồng thời đem lại tính hiệu quả và năng suất với quy trình cấp tín dụng chặt chẽ và hợp pháp sẽ giúp cho doanh nghiệp tìm ra phương án sản xuất nào là phù hợp và tối ưu nhất trong quá trình sử dụng nguồn vốn vay được từ ngân hàng thương mại.

Bên cạnh đó, hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp tạo cơ hội cho các trung gian tín dụng kinh doanh nguồn vốn huy động của mình và tìm kiếm lợi nhuận từ khoản chênh lệch lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi hoặc khoản hoa hồng, phí cho dịch vụ mà ngân hàng thương mại cung cấp. Lợi nhuận này chính là cơ sở tồn tại và phát triển đối với ngân hàng thương mại. Trong dài hạn, tạo mối quan hệ mật thiết giữa doanh nghiệp với các thị trường tài chính, phi tài chính như bảo hiểm, chứng khoán, ... đem lại cho môi trường kinh tế phát triển bền vững.

Ngoài ra, hoạt động cho vay cũng tác động đáng kể đến lợi ích của những người đi deposits nhờ có được một nguồn thu nhập từ đồng dư c lũy tiền theo thời gian dưới hình thức lãi suất huy động vốn do ngân hàng thương mại áp dụng khi cho

có nhu cầu và nhờ đó ngân hàng thương mại sẽ là một nơi cất trữ tiền tệ đáng tin cậy và đảm bảo an toàn về dài hạn bên cạnh các dịch vụ thanh toán đi kèm vô cùng tiện lợi.

Hơn nữa, hoạt động cho vay còn có ý nghĩa quan trọng trong việc điều hòa vốn của nền kinh tế, đảm bảo các quá trình tái đầu tư, sản xuất được hoạt động liên tục tạo ra sự tăng trưởng và phát triển đối với nền kinh tế. Góp phần thúc đẩy quá trình luân chuyển hàng hóa, luân chuyển tiền tệ, điều tiết khối lượng tiền trong lưu thông và kiểm soát lạm phát. Thông qua hoạt động tín dụng, khối lượng tiền trong lưu thông sẽ tăng lên khi thực hiện hoạt động cho vay và ngược lại sẽ giảm xuống khi thực hiện hoạt động thu nợ, do đó sẽ góp phần điều tiết khối lượng tiền trong toàn bộ nền kinh tế. Ngân hàng sẽ dùng công cụ lãi suất, hạn mức tín dụng để làm thay đổi khối lượng tiền vay, từ đó điều tiết được khối lượng tiền trong nền kinh tế và kiểm soát được lạm phát.

Như vậy, hoạt động cho vay trong các tổ chức tín dụng ngày nay dần trở thành hoạt động quan trọng nhất của ngân hàng thương mại vì nó phản ánh rõ tính chất đi vay để cho vay của ngân hàng thương mại. Đồng thời, xu thế doanh nghiệp và các tổ chức mới được thành lập ngày càng nhiều, hoạt động sản xuất ngày càng đa dạng, đòi hỏi, tiếp cận với công nghệ toàn cầu và hội nhập sâu rộng cùng thời đại thì hoạt động tín dụng có ý nghĩa vô cùng to lớn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp và tập đoàn đa quốc gia hiện nay.

1.1.3. Các hình thức cho vay khách hàng doanh nghiệp

Hoạt động cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng thương mại được phân làm nhiều loại tùy theo những tiêu thức khác nhau, tác giả Nguyễn Minh Kiên (2009) đã chia ra một số nhân tố làm cơ sở để phân loại như sau:

❖ Dựa vào thời hạn tín dụng:

Cho vay ngắn hạn: Các khoản cho vay có thời hạn vay từ 1 năm trở xuống, thông qua hình thức cho vay tiền ngắn hạn hoặc cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng. Các khoản vay ngắn hạn có rủi ro thấp hơn cho vay trung và dài hạn do có thời hạn vay

ngân nên lãi suất thấp hơn. Đây là hình thức cho vay chủ yếu của các NHTM bởi vì nguồn huy động của NHTM cũng chủ yếu là nguồn hùn.

Cho vay trung và dài hạn: Là các khoản vay có thời hạn vay trên 1 năm. Có nhiều cách phân loại khác nhau, nhưng cách phân loại thông thường là cho vay trung hạn là từ 1 đến 5 năm, cho vay dài hạn là trên 5 năm. Khoản vay này thường có giá trị lớn để dùng để mua sắm đất đai, nhà cửa, máy móc thiết bị hoặc đầu tư xây dựng. Các khoản vay dài hạn thường được trả dần theo nhiều kỳ trả nợ bao gồm cả gốc và lãi ngoài trả thời gian ân hạn chờ trả lãi. Do thời gian cho vay dài hạn nên khả năng xảy ra rủi ro tín dụng đối với cho vay trung và dài hạn lớn hơn cho vay ngắn hạn vì vậy lãi suất cho vay cao hơn, và yêu cầu nhiều thông tin chi tiết để đảm bảo an toàn tín dụng.

❖ **Dựa vào mục đích sử dụng nguồn vốn vay:**

Mục đích sử dụng nguồn vốn vay của doanh nghiệp rất đa dạng và linh hoạt, bao gồm:

Cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh công nghiệp: Giúp khách hàng trang trải các khoản chi phí hoạt động như chi phí mua hàng, trả lương...

Cho vay xây dựng công trình: Tài trợ vốn cho bên thi công trong giai đoạn thi công các công trình xây dựng.

Cho vay mua bất động sản: Đầu tư xây dựng, mua lại cơ sở sản xuất, nhà xưởng, xí nghiệp.

Cho vay sản xuất nông nghiệp: Nhằm hỗ trợ nông dân trong giai đoạn gieo trồng, bảo quản sản phẩm.

Cho vay kinh doanh xuất nhập khẩu: Chi trả các hóa đơn, hợp đồng tín dụng, thanh toán L/C của các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Cho vay các tài chính tín dụng: Các tài chính khác hình thức có thể vay đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong ngắn hạn hoặc duy trì tài khoản tại ngân hàng trung ương.

Cho vay khác: bao gồm các hình thức như kinh doanh chứng khoán, đầu tư cổ phiếu, các hợp đồng hoán đổi, hợp đồng kỳ hạn và các giấy tờ có giá khác.

❖ **Đưa vào mục tín nhiệm của khách hàng:**

Cho vay không có bảo đảm: Là loại cho vay không có tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh của người khác mà chỉ dựa trên niềm tin có đầy đủ căn cứ (tức cách của khách hàng, quy mô hoạt động kinh doanh, uy tín trong lĩnh vực kinh doanh và có lịch sử giao dịch tốt với các TCTD...) và đáp ứng tất cả tiêu chí cho vay không có TSBĐ của từng ngân hàng.

Cho vay có bảo đảm: Là loại cho vay dựa trên các sự kiện bảo đảm cho tiền vay như thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh của một bên thứ ba. TSBĐ là biện pháp nhằm làm giảm thiểu rủi ro mất vốn khi cho vay. Các hình thức của TSBĐ gồm cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản của người thứ ba, đảm bảo bằng tài sản dưới hình thức tiền vay...

❖ **Đưa vào phạm vi cho vay, tín dụng doanh nghiệp được chia làm 3 loại:**

Cho vay theo hạn mức tín dụng (HMTD): là hình thức cấp tín dụng của NHTM mà theo đó, khách hàng có thể gửi ngân và trả nợ nhiều lần trong phạm vi số tiền được cấp trong 1 khoảng thời gian nhất định. Người vay chỉ thực hiện hồ sơ 1 lần cho nhiều lần gửi ngân. Ngân hàng cấp cho khách hàng 1 hạn mức, chỉ gửi hạn đó, không gửi hạn số lần vay và hoàn trả nợ. Phạm vi pháp này phù hợp với các đơn vị, cá nhân có nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh thường xuyên, bên vay vốn chỉ dùng số tiền nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài.

Cho vay từng lần (cho vay theo món): là hình thức cấp tín dụng của NHTM mà theo đó khách hàng thực hiện các thủ tục vay vốn 1 lần, gửi ngân 1 hay nhiều lần, khi thu hết nợ thì thanh lý khoản vay. Người vay sẽ phải làm hồ sơ vay vốn cho từng lần vay. Ưu điểm của hình thức này là thủ tục rõ ràng, ngân hàng chỉ dùng trong việc cho vay.

Cho vay thấu chi: là việc tổ chức tín dụng chấp nhận bằng văn bản cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng. Hồ sơ yêu cầu khách hàng hoàn thành các mẫu biểu theo quy định của ngân hàng. Phạm vi pháp này có ưu điểm là khách hàng có thể rút vượt số tiền hiện đang có trong tài khoản khi có